

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT

Ngày: 13 - 3 - 2018.

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn-Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2017/TLPT-DS ngày 7 tháng 9 năm 2017 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 750/2017/QĐPT ngày 01 tháng 1 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Việt L, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 576, khu phố NT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé B (có mặt).

Cư trú tại: Số 476/9 ĐLBD, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2017).

- Bị đơn: Bà Châu Bích L1, sinh năm 1964 (có mặt).

Cư trú tại: Số 46/4A, đường PĐP, khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thạch Thùy Tr (có mặt).

Cư trú tại: Số 28/6, TH, phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2016).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Bà NLQYCDL1, sinh năm 1974 (có mặt).

Cư trú tại: Số 254/29, tổ 9, khu phố 2, đường TQĐ, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

2. Bà NLQYCDL2, sinh năm 1976 (có mặt).

Cư trú tại: 139/24 (số mới 817/1), tổ 24, khu phố 3, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

3. Ông NLQYCDL3, sinh năm 1978 (vắng mặt).

4. Ông NLQYCDL4, sinh năm 1981 (có mặt).

Ông NLQYCDL3, ông NLQYCDL4 cùng cư trú tại: Số 101/62/2 khu phố 10, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

1. Bà NLQKYCDL1, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 101/62/2, khu phố 10, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương;

2. Bà NLQKYCDL2, sinh năm 1958 (có mặt).

Cư trú tại: Số 576, khu phố NT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3. Ông NLQKYCDL3, sinh năm 1963 (có mặt).

Cư trú tại: Số 46/4A, đường PĐP, khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Châu Bích L1, sinh năm 1964 (có mặt).

Cư trú tại: Số 46/4A, đường PĐP, khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

5. Bà NLQKYCDL5, sinh năm 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Số 49/3B, khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

6. Ông NLQKYCDL6, sinh năm 1967 (có mặt).

Cư trú tại: Số 16/5, khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.
Địa chỉ mới: 35C ĐTN, khu phố C, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

7. Ông NLQKYCDL7, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cư trú tại: 285 DunDas, St East, Mississ AVGA, On Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQKYCDL1, bà NLQKYCDL5, ông NLQKYCDL6, ông NLQKYCDL7 và ông NLQKYCDL3: Bà Nguyễn Thạch Thùy Tr, sinh năm 1982 (có mặt).

Cư trú tại: Số 28/6, TH, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (theo các văn bản ủy quyền ngày 13/5/2016, 14/6/2016 và 22/12/2016).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, ông Trịnh Việt L.

- *Người kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Trịnh Việt L trình bày:

Ông Từ Kha H (chết năm 1974) và bà Nguyễn Thị Ng (chết ngày 01/01/2009) là vợ chồng và có 04 người con là: Bà Từ Kh (chết 2014), bà Tề Ngọc I, không có chồng con (chết ngày 21/12/2010), ông Trịnh Việt L và ông Trịnh Việt S (chết năm 2008). Bà Kh có chồng là ông Châu H1 (chết năm 1977) có 04 con gồm: Châu Bích L1, NLQKYCĐL5, NLQKYCĐL6 và NLQKYCĐL7. Ông S có vợ là bà NLQKYCĐL1 và 04 người con gồm: NLQYCĐL1, NLQYCĐL2, NLQYCĐL3 và NLQYCĐL4.

Năm 1975, bà Ng có mua một khu đất, sau đó cất một căn nhà cấp 4 trên đất để cư ngụ và ngày 12/11/1998, được UBND huyện TA (nay là thị xã TA) cấp giấy CNQSDĐ. Ngày 14/5/2004, được UBND huyện TA cấp đổi giấy CNQSDĐ số U180180, với diện tích 117,3m² đất thổ cư, riêng căn nhà trên đất thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Ngày 01/01/2009, bà Ng chết không để lại di chúc. Di sản để lại là căn nhà và đất tại số 133/5 đường CVT, khu phố LT, phường LT, thị xã TA, hiện tại do ông NLQKYCĐL6 quản lý sử dụng. Vì vậy, ông L yêu cầu chia di sản của bà Ng theo pháp luật, ông hưởng 1/3 di sản và đề nghị được nhận bằng hiện vật là nhà, đất của bà Ng. Ông L sẽ thanh toán 2/3 giá trị di sản cho những người thừa kế của bà Từ Kh và ông Trịnh Việt S.

Bị đơn, bà Châu Bích L1 trình bày: Bị đơn thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, di sản của bà Ng chỉ là thừa đất tại khu phố LT, phường LT, thị xã TA, còn căn nhà cấp 4 trên đất là do bà L1 cùng chồng là ông NLQKYCĐL3 xây dựng để phụng dưỡng bà Ng, không phải là di sản thừa kế. Bà L1 đồng ý chia di sản là đất theo pháp luật nhưng yêu cầu được chia phần đất trên có căn nhà cấp 4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, gồm bà NLQYCĐL2, bà NLQYCĐL1, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4 thống nhất trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, về di sản thừa kế thì ngoài những tài sản mà nguyên đơn đã nêu, còn có giá trị quyền sử dụng 73m², đây là nền đất tái định cư được Nhà nước có cấp cho bà Ng khi giải tỏa nhà 63B đường CVT, khu phố C, thị trấn LT. Sau đó, vợ chồng ông L, bà NLQYCĐL2 thay mặt các thừa kế của bà Ng đứng tên trên giấy CNQSDĐ. Năm 2010, vợ chồng ông L, bà NLQYCĐL2 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị H2 với giá 500.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu chia 500.000.000 nêu trên cho các thừa kế của bà Ng theo pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu độc lập trình bày:

Bà NLQKYCĐL5, ông NLQKYCĐL6, ông NLQKYCĐL7 và ông NLQKYCĐL3 thống nhất trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà NLQYCĐL2, bà NLQYCĐL1, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4 về xác định nền đất tái định cư 73m² là di sản của bà Ng. Đề nghị chia thừa kế đối với di sản của bà Ng theo pháp luật.

Bà NLQKYCĐL2 trình bày: Diện tích đất 73m² mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là tài sản của vợ chồng bà, đã được UBND thị xã TA cấp giấy CNQSDĐ, sau đó vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho người khác. Vì vậy, bà NLQYCĐL2 không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3 và ông NLQYCĐL4.

Bà NLQKYCĐL1 trình bày: Bà L1 là vợ của ông Trịnh Việt S. Nay có tranh chấp thừa kế tài sản của bà Ng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trịnh Việt L; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4.

2. Chia khối di sản của bà Nguyễn Thị Ng gồm diện tích đất 98,5m² (trong đó có 42,09m² đất thổ cư và 56,41m² đất trồng cây hàng năm khác) và giá trị nền đất tái định cư 73m² như sau:

2.1. Những người thừa kế của bà Từ Kh gồm: Bà Châu Bích L1; bà NLQKYCĐL5; ông NLQKYCĐL6; ông NLQKYCĐL7 được chia diện tích đất 50,1m² (trong đó có 21,09m² đất thổ cư và 29,01m² đất trồng cây hàng năm khác có giá trị là 1.102.200.000 đồng) là một phần thừa đất số 379, tờ bản đồ 36 tọa lạc tại khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương (trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích 45,6m² là tài sản riêng của vợ chồng bà Châu Bích L1, ông NLQKYCĐL3).

Khu đất có tứ cận: Đông giáp thửa 380, Tây giáp phần còn lại của thửa đất 379, Nam giáp thửa đất 411, Bắc giáp đường ĐGL (Kèm theo sơ đồ bản vẽ khu đất được chia).

2.2. Ông Trịnh Việt L được chia diện tích đất 48,4m² (trong đó có 21m² đất thổ cư và 27,4m² đất trồng cây hàng năm khác có giá trị là 1.064.800.000 đồng) là một phần thừa đất số 379, tờ bản đồ 36 tọa lạc tại khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Khu đất có tứ cận: Đông giáp phần còn lại của thửa đất 379, Tây giáp thửa 378, Nam giáp thửa đất 411, Bắc giáp đường ĐGL (Kèm theo sơ đồ bản vẽ khu đất được chia).

Buộc bà Châu Bích L1 phải giao cho ông Trịnh Việt L sử dụng diện tích đất nêu trên.

2.3. Những người thừa kế của ông Trịnh Việt S gồm: Bà NLQYCDL1, bà NLQYCDL2, ông NLQYCDL3, ông NLQYCDL4, bà NLQKYCDL1 được chia giá trị di sản là: 882.333.000 đồng. Số tiền nay, ông L có trách nhiệm thanh toán 502.467.000 đồng (trong đó ông L, bà NLQYCDL2 liên đới thanh toán 160.000.000 đồng); các con bà Từ Kh (gồm: bà Châu Bích L1; NLQKYCDL5; NLQKYCDL6; NLQKYCDL7) có trách nhiệm thanh toán: 379.867.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ của người phải thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2017, nguyên đơn, ông Trịnh Việt L kháng cáo không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với diện tích 73m²; Yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ nhà, đất, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác và yêu cầu các đồng thừa kế có nghĩa vụ thanh toán 41.084.000 đồng là khoản tiền đã nộp khi nhà nước giao 73mm²; bản án sơ thẩm.

Ngày 09/8/2017, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị bản án sơ thẩm về việc cho các đương sự hưởng bằng hiện vật nhưng không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của UBND tỉnh Bình Dương; chưa xem xét phần đất ở khi phân chia quyền sử dụng đất cho các đương sự và không kiến nghị UBND huyện TA thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho người để lại di sản thừa kế.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kiến nghị UBND thị xã TA thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà Ng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chia diện tích đất ở cho các đương trên sơ đồ bản vẽ khu đất là khó thi hành án.

Nguyên đơn và bà Tr đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 6/5/2016.

Ông L và bà NLQYCDL2 đề nghị được hưởng di sản là nhà và đất đang tranh chấp và đồng ý liên đới có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác của bà Từ Kh, ông Trịnh Việt S. Số tiền 41.084.000 đồng do ông L nộp thì các thừa kế khác phải cùng chịu trách nhiệm. Không đồng ý giá trị 73m² là di sản thừa kế của bà Ng.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị không chấp nhận yêu cầu cho ông L được hưởng toàn bộ nhà đất. Đồng ý cùng chịu trách nhiệm đối với số tiền 41.084.000 đồng do ông L nộp cho nhà nước. Xác định hiện căn nhà trên đất chỉ có ông NLQKYCDL6 quản lý, ngoài ra không còn ai ở trong căn nhà trên, cũng không có ai đăng ký tạm trú, thường trú tại địa chỉ căn nhà tranh chấp. Bà L1, ông NLQKYCDL6, bà NLQKYCDL5 đăng ký hộ khẩu thường trú và ở nơi khác.

Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:
Trên phần đất là di sản thừa kế của bà Ng có căn nhà do vợ chồng bà L1 xây dựng nên Tòa án chia bằng hiện vật cho bà L1 được hưởng căn nhà trên đất,

phần còn lại chia cho ông L là có căn cứ. Đối với 73m², có căn cứ xác định là di sản của bà Ng nên cấp sơ thẩm chia cho các thừa kế là đúng quy định. Đối với số tiền 41.084.000 đồng do ông L nộp nên các thừa kế của bà Từ Khiếu, ông Trịnh Việt S phải có nghĩa vụ thanh toán lại một phần cho ông L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ng. Trong vụ án này, có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Châu Minh H3 hiện đang cư trú tại Canada. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự thống nhất mối quan hệ huyết thống của bà Ng như trình bày của nguyên đơn; bà Ng chết ngày 01/01/2009, không để lại di chúc. Các đương sự thống nhất kết quả định giá đất và tài sản trên đất ngày 06/5/2016 và đề nghị Tòa án căn cứ kết quả định giá để giải quyết vụ án. Hiện tại, căn nhà trên phân đất di sản thừa kế do ông Châu H1 ông NLQKYCDL6 quản lý. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về di sản do bà Ng để lại, cụ thể: Ông L cho rằng di sản của bà Ng chỉ gồm: Căn nhà cấp 4 trên diện tích đất đo thực tế là 98,5m², thuộc thửa số 379, tờ bản đồ số 36 tại khu phố LT, phường LT, thị xã TA. Nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan lại cho rằng, ngoài nhà đất nêu trên thì di sản còn là giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 73m² thuộc thửa 481, tờ bản đồ số 48, tại thị trấn LT, huyện TA. Đây là nền đất tái định cư mà Nhà nước đã giao cho bà Ng khi giải tỏa nhà 63B đường CVT nhưng do ông L thay mặt nhận, sau đó đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị H2 với giá 500.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của ông L, thấy rằng:

[3.1] Đối với kháng cáo về diện tích 73m², thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 48 thị trấn LT, huyện TA và tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà, đất do ông L nộp 41.084.000 đồng:

Hồ sơ vụ án thể hiện ông L, bà NLQKYCDL2 được UBND thị xã TA cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/6/2010 đối với diện tích 73m² nêu trên. Sau đó, ông L và bà NLQKYCDL2 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 569 cho bà NLQKYCDL5 giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Các đương sự thừa nhận trước đây, bà Ng có quyền sở hữu căn nhà số 63B đường CVT, khu

phố Chợ, thị trấn LT, huyện TA nhưng đã bị giải tỏa. Theo hồ sơ giải tỏa đền bù do UBND thị xã TA cung cấp thì nguồn gốc 73m² nêu trên là nền đất tái định cư do nhà nước giải tỏa nhà số 63B đường CVT. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 500.000.000 đồng do ông L, bà NLQYCDL2 chuyển nhượng diện tích 73m² là di sản của bà Ng là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo này của ông L.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xuất trình các tài liệu là bản sao, được Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Dương chứng nhận bản sao đúng với bản chính ngày 02/12/2017, gồm: Thông báo nộp tiền sử dụng đất, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất được lập cùng ngày 06/8/2010 của Chi cục Thuế huyện TA và Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 15/11/2010 của Kho bạc nhà nước huyện TA. Các tài liệu trên đều thể hiện ông L nộp 41.084.000 đồng là tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất đối với 73m² thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 48 thị trấn LT, huyện TA. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không buộc các đồng thừa kế của bà Ng phải cùng chịu số tiền trên là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo này của ông L, cụ thể ông L và những người thừa kế của bà Từ Kh, ông Trịnh Việt S, mỗi bên phải chịu 13.694.666 đồng (=41.084.000 đồng/3).

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu được hưởng toàn bộ nhà đất tại số 133/5 đường CVT, khu phố LT, phường LT, thị xã TA:

Hồ sơ vụ án thể hiện Ông L thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhưng hiện không có nhà ở, phải đi ở nhờ nhà của gia đình vợ (các bút lục 296, 306). Bà L1 cho rằng ông L đã có nhà ở ổn định nhưng không có chứng cứ chứng minh, còn ông L thì không thừa nhận. Trong khi đó, tại Biên bản xác minh ngày 21/6/2017 (bút lục 295) thể hiện bà L1 đã có nhà ở riêng, còn căn nhà đang tranh chấp thì chưa có ai đăng ký tạm trú. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2016 (bút lục 145) và xác nhận của Công an phường LT ngày 06/7/2017 (bút lục 315), thể hiện ông NLQKYCDL6 đang quản lý căn nhà tại số 133/5 đường Gia Long, khu phố LT, phường LT, thị xã TA. Tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ (bút lục 252), hợp đồng ủy quyền ngày 13/5/2016 (bút lục 148), biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 349) và các văn bản tố tụng khác đều thể hiện địa chỉ thường trú của bà L1 tại số 143/5 khu phố LT, phường LT, thị xã TA; bà NLQKYCDL5 thường trú tại số 49/3B khu phố LT, phường LT, thị xã TA; ông NLQKYCDL6 thường trú tại số 16/5 khu phố Hòa Long, phường LT, thị xã TA. Như vậy, có căn cứ xác định bà L1, bà NLQKYCDL5 và ông NLQKYCDL6 đã có chỗ ở khác và không NLQYCDL4 ký tạm trú tại nhà số 133/5 đường CVT, khu phố LT, phường LT, thị xã TA. Việc cấp sơ thẩm chia bằng hiện vật cho ông L và những người thừa kế của bà Từ Kh, mỗi bên được sử dụng một phần đất là không phù hợp, không bảo đảm nhu cầu về chỗ ở cho ông L và ảnh hưởng đến quy định về tách thửa theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông L về việc được hưởng toàn bộ nhà đất tại số 133/5 đường CVT, khu phố LT, phường LT, thị xã TA; ông L có trách nhiệm thanh toán phân giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Như vậy, di sản thừa kế của bà Ng như sau: Giá trị quyền sử dụng đất là 2.167.000.000 đồng ($=98,5\text{m}^2 \times 22.000.000$ đồng); Giá trị quyền sử dụng đất 73m^2 đã chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Về nghĩa vụ, bà Từ Kh và ông Trịnh Việt S, mỗi người phải chịu 13.694.666 đồng là khoản tiền mà ông L đã nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất đối với 73m^2 . Bà Châu Bích L1 và ông NLQKYCĐL3 nhận lại giá trị tài sản trên đất là 66.320.000 đồng, gồm: giá trị nhà 66.120.000 đồng ($=45,6\text{m}^2 \times 1.450.000$ đồng) và đồng hồ nước là 200.000 đồng, do ông L thanh toán.

Chia bằng tiền như sau: Về giá trị đất, ông L, bà Kiêm, Ông S, mỗi người được hưởng $\frac{1}{3}$ là 722.333.333 đồng ($=2.167.000.000$ đồng/3). Về giá trị quyền sử dụng đất 73m^2 : Ông L được hưởng 180.000.000 đồng, bà Từ Kh và ông Trịnh Việt S, mỗi người được hưởng 160.000.000 đồng. Như vậy, ông L được hưởng 902.333.333 đồng, bà Từ Khiêm, ông Trịnh Việt S, mỗi người được hưởng 882.333.333 đồng.

Chia bằng hiện vật: Giao cho ông L được quyền sử dụng $98,5\text{m}^2$ và tài sản trên đất. Ông L có nghĩa vụ thanh toán như sau:

Thanh toán cho những người thừa kế của bà Từ Kh 868.639.333 đồng (gồm 882.333.333 đồng giá trị đất - 13.694.666 đồng là khoản tiền mà ông L đã nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất. Các con của bà Từ Kh, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 217.159.883 đồng ($=868.639.333$ đồng/4).

Thanh toán cho bà L1 và ông NLQKYCĐL3 66.320.000 đồng giá trị tài sản trên đất

Thanh toán cho những người thừa kế của ông Trịnh Việt S 868.639.333 đồng (gồm 882.333.333 đồng giá trị đất - 13.694.666 đồng là khoản tiền mà ông L đã nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất. Các con của ông Trịnh Việt S, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 173.727.867 đồng ($=868.639.333$ đồng/5).

[4] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm cho ông L và thừa kế của bà Từ Kh được quyền sử dụng gồm đất ở và đất nông nghiệp là đúng. Tuy nhiên, không thể hiện trên sơ đồ bản vẽ khu đất là khó thi án hành. Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ. Tuy nhiên, do ông L được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất nên không ảnh hưởng tới việc phân chia diện tích đất ở đối với di sản thừa kế của bà Ng.

Đối với kháng nghị về bản án không có nội dung kiến nghị UBND thị xã TA thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp ngày 14/5/2004 cho bà Ng, thấy rằng: Tại phiên tòa, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã rút kháng nghị nên căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

Từ những nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm trên giá trị được hưởng. Do kháng cáo được chấp nhận nên ông L không phải chia án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; điểm c, khoản 1 Điều 289; khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 623, 649, 655, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Việt L.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kiến nghị UBND thị xã TA thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp ngày 14/5/2004 cho bà Nguyễn Thị Ng

4. Sửa bản án sơ thẩm 13/2017/DS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trịnh Việt L. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4.

6. Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ng là 2.667.000.000 đồng, gồm giá trị quyền sử dụng đất là 2.167.000.000 đồng và giá trị quyền sử dụng đất 73m² đã chuyển nhượng là 500.000.000 đồng.

7. Chia bằng tiền: Ông Trịnh Việt L được hưởng 902.333.333 (*Chín trăm lẻ hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba*) đồng; phần thừa kế của bà Từ Kh và ông Trịnh Việt S, mỗi người được hưởng 868.639.333 (*Tám trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba*) đồng. Do bà Từ Kh và Ông S đã chết nên những người thừa kế của Bà Kh, gồm: Châu Bích L1, NLQKYCĐL5, NLQKYCĐL6 và NLQKYCĐL7 và những người thừa kế của Ông S, gồm: NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà NLQKYCĐL1 được hưởng số tiền trên.

8. Chia bằng hiện vật: Ông Trịnh Việt L được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà cấp 4 và diện tích 98,5m², gồm 42,09m² đất thổ cư và 56,41m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa số 379, tờ bản đồ số 36 tại khu phố LT, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương (*Kèm theo sơ đồ bản vẽ khu đất*).

Buộc bà Châu Bích L1, ông NLQKYCĐL6 là người đang quản lý căn nhà số 133/5 đường CVT, khu phố LT, phường LT, thị xã TA phải giao cho ông Trịnh Việt L quản lý, sử dụng nhà, đất nêu trên.

Kiến nghị UBND thị xã TA thu hồi giấy CNQSDĐ số U180180 ngày 14/5/2004 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Ng để cấp lại cho người có quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Ông Trịnh Việt L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nêu trên theo quy định pháp luật

9. Ông Trịnh Việt L và bà NLQKYCĐL2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho các thừa kế của bà Từ Kh và ông Trịnh Việt S, như sau:

- Thanh toán cho bà Châu Bích L1, NLQKYCĐL5, NLQKYCĐL6 và NLQKYCĐL7, mỗi người 217.159.883 (*Hai trăm mười bảy triệu một trăm năm mươi chín ngàn tám trăm tám mươi ba*) đồng

- Thanh toán cho bà Châu Bích L1 và ông NLQKYCĐL3 66.320.000 (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn*) đồng.

- Thanh toán cho bà NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà NLQKYCĐL1, mỗi người 173.727.867 (*Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi bảy*) đồng.

10. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 2.551.000 đồng, do ông Trịnh Việt L nộp, nên những người thừa kế của bà Từ Kh, ông Trịnh Việt S phải hoàn trả cho ông L 850.333 đồng, cụ thể: Bà Châu Bích L1, NLQKYCĐL5, NLQKYCĐL6 và NLQKYCĐL7, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông L 212.583 (*Hai trăm mười hai ngàn năm trăm tám mươi ba*) đồng; Bà NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà NLQKYCĐL1, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông L 170.066 (*Một trăm bảy mươi ngàn không trăm sáu mươi sáu*) đồng.

- Chi phí ủy thác tư pháp là 1.195.000 đồng, do ông Trịnh Việt L nộp, nên những người thừa kế của bà Từ Kh, ông Trịnh Việt S phải hoàn trả cho ông L 398.333 đồng, cụ thể: Bà Châu Bích L1, NLQKYCĐL5, NLQKYCĐL6 và NLQKYCĐL7, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông L 99.538 (*Chín mươi chín ngàn năm trăm ba mươi tám*) đồng; Bà NLQYCĐL1, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà NLQKYCĐL1, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông L 79.666 (*Bảy mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

11. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

Ông Trịnh Việt L phải chịu 39.070.000 đồng. Khấu trừ 3.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002636 ngày 02/7/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, ông L còn phải nộp 35.645.000 (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn*) đồng.

Các ông bà: Châu Bích L1, NLQKYCĐL5, NLQKYCĐL6, NLQKYCĐL7, NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà NLQKYCĐL1, mỗi người phải chịu 8.686.393 (*Tám triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi ba*) đồng. Khấu trừ 10.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà L1 nộp theo biên lai thu số 0010588 ngày 15/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Vì vậy, bà NLQYCĐL2, ông NLQYCĐL3, ông NLQYCĐL4, bà NLQKYCĐL1, mỗi người ông L mỗi người còn phải nộp 6.578.393 (*Sáu triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm chín mươi ba*) đồng.

- *Án phí phúc thẩm*: Ông Trịnh Việt L không phải chịu và được hoàn lại 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010736 ngày 14/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

12. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 3 năm 2018)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (2);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (3).(Án 18).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương